TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 575/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Hoàng Phương Đại– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ L1số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Xuân L , sinh năm 1985; Căn cước số: 080185000930 do Bộ công an cấp ngày 17/02/2025;

Địa chỉ thường trú: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Ấp 7, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ); (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Công L, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 077079008332 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 18/12/2021;

Địa chỉ: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Ấp 7, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị Xuân L trình bày như sau:

Bà Trần Thị Xuân L và ông Trần Công L1chung sống với nhau vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số 01/2009 cấp ngày 28/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L và ông L1 đã sống ly thân từ tháng 01/2022. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Công L1 để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thiên P, sinh ngày 04/5/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 24/4/2017. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà L ổn định, học tập gần nhà và bà L cũng có công việc ổn định với thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi con. Do đó bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông L1cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Công L1đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Toà án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Xuân L được ly hôn với ông Trần Công Lý. Giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Công L1do bà L không yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Xuân L và ông Trần Công L1chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lý, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn"; bị đơn cư trú tại xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Trần Công L1không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Trần Công L1là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L và ông L1đã sống ly thân từ tháng 01/2022. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Công L1để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Ông Trần Công L1cùng các con Trần Thiên P, sinh ngày 04/5/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 24/4/2017 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Ấp 7, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ).* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông L1không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".*

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà L yêu cầu ly hôn với ông L1là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Xuân L .

b) Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Trần Thiên Phước, sinh ngày 04/5/2011 và Trần Quang Minh, sinh ngày 24/4/2017.

Căn cứ vào Công văn số 186/UBND ngày 04/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Ủy ban nhân dân xã H không rõ mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Xuân L và ông Trần Công L. Ủy ban không rõ ai là người đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ"*.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Toà án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chung, theo đó 02 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với Mẹ, từ nhỏ cho đến nay đều sống với Mẹ và Mẹ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L cũng xác nhận bà có công việc ổn định, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng và đủ khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông Trần Công L1các biên bản không tiến hành hoà giải được, trong đó nêu rõ nội dung bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L1cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông L1không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc nuôi con chung và không yêu cầu ông L1cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thị Xuân L được ly hôn với ông Trần Công Lý. Giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Công L1do bà L không yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Xuân L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Xuân L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Xuân L được ly hôn với ông Trần Công L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 164, quyển số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 28/12/2009 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là Trần Thiên P, sinh ngày 04/5/2011 và Trần Quang M, sinh ngày 24/4/2017 cho bà Trần Thị Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông L1thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Công L1có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Xuân L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0002194 ngày 07/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L1do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chu tọa phiên tòa**